

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGÔN NGỮ CƠ THỂ TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH

● NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

TÓM TẮT:

Phương pháp giảng dạy đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động dạy và học tiếng Anh. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giảng dạy được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá là một phương pháp rất tích cực trong việc cải thiện chất lượng dạy và học tiếng Anh. Bài viết này đề cập một số loại ngôn ngữ cơ thể thường được sử dụng trong dạy và học tiếng Anh, những lợi ích của việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong việc giảng dạy tiếng Anh dành cho học sinh nhỏ tuổi và nêu ra một số lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giảng dạy tiếng Anh sao cho hiệu quả.

Từ khóa: ngôn ngữ cơ thể, ngoại ngữ, dạy và học Tiếng Anh.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ cơ thể là một thuật ngữ dùng để chỉ quá trình giao tiếp sử dụng nét mặt, cử chỉ và chuyển động cơ thể thay vì âm thanh hoặc ngôn ngữ bằng lời nói. Theo Raah (2015), ngôn ngữ cơ thể là ngôn ngữ bạn nói mà không cần lời nói. Mọi bộ phận của cơ thể đều có thể nói thành lời, nghĩa là ngôn ngữ cơ thể có thể mang ý nghĩa tương đương với ngôn ngữ bằng lời nói. Đó là sự chuyển tải ý nghĩa mà không cần sử dụng các biểu tượng bằng lời nói.

Việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể là một phương pháp hữu ích trong việc giảng dạy tiếng Anh. Điều này do cơ thể chúng ta liên tục gửi cho những thông điệp mà chúng ta không hề hay biết.

Miller (2005) cho rằng có một số lý do khiến chúng ta giao tiếp phi ngôn ngữ: các thông điệp phi ngôn ngữ có xu hướng chân thực hơn, các tín hiệu phi ngôn ngữ có thể diễn đạt cảm xúc và là một kênh liên lạc cần thiết để giúp gửi đi các thông điệp phức tạp. Giáo viên nên biết và sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong lớp học vì 2 lý do cơ bản: thứ nhất, để trở thành người tiếp nhận thông điệp của học sinh tốt hơn; thứ hai, để có khả năng gửi đi những tín hiệu tích cực giúp củng cố việc học của học sinh đồng thời trở nên có kỹ năng hơn trong việc tránh những tín hiệu tiêu cực cản trở việc học của họ. Đối với học sinh, việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể sẽ giúp họ ghi nhớ tốt những kiến thức tiếp thu được trên lớp.

2. Một số loại ngôn ngữ cơ thể thường được sử dụng trong dạy và học tiếng Anh

2.1. Biểu cảm khuôn mặt

Các nghiên cứu cho thấy cách biểu cảm rõ nhất về cảm xúc là thông qua nét mặt. Khuôn mặt của chúng ta đóng một vai trò quan trọng trong việc thể hiện suy nghĩ, đặc biệt là cảm xúc và thái độ của chúng ta. Thông qua nét mặt, con người có thể bộc lộ nỗi buồn hay niềm vui mà không cần dùng đến lời nói và đó là nguồn thông tin chính bên cạnh lời nói để xác định cảm xúc bên trong của một cá nhân và khiến người nghe có động lực cũng như sự hứng thú trong suốt cuộc trò chuyện. Do đó, giáo viên tiếng Anh nên tùy vào các tình huống khác nhau trong lớp học để thể hiện biểu cảm trên khuôn mặt của mình giống như một diễn viên có kinh nghiệm. Chẳng hạn, khi nói điều gì đó thú vị, nét mặt giáo viên có vẻ vui mừng; khi nói điều gì đó buồn, sẽ thể hiện nét mặt buồn bã; khi gặp vấn đề nào đó, sẽ cau mày và khi vấn đề được giải quyết, sẽ hồ hởi. Nói một cách dễ hiểu, người học sẽ bị thu hút nhiều bởi nét mặt sống động và hoàn hảo của giáo viên.

2.2. Giao tiếp bằng mắt

Giao tiếp bằng mắt là một trong những hình thức giao tiếp phi ngôn ngữ quan trọng trong lớp học. Ánh mắt thể hiện sự quan tâm, hiểu biết, tôn trọng và đánh giá cao của giáo viên đối với học sinh. Hơn nữa, giao tiếp bằng mắt truyền tải những suy nghĩ, cảm xúc và mong muốn bên trong của giáo viên, từ đó có thể thiết lập sự kết nối với người học. Thông qua ánh mắt của thầy cô, học sinh cảm thấy mình được thầy cô quan tâm, động viên. Khi giảng dạy, hãy chắc chắn rằng bạn sẽ quan tâm đến từng học sinh, vì học sinh nào cũng cần được coi trọng, muốn mình được thầy cô quan tâm. Ngoài ra, giao tiếp bằng mắt có thể là phương tiện tốt để tìm kiếm một số phản hồi, vì giáo viên thường quan sát học sinh, nhằm mục đích tìm kiếm các tín hiệu để xác định xem học sinh có tập trung vào bài học hay không và để quyết định xem họ có nên tiếp tục bài giảng hay

không. Do đó, giao tiếp bằng mắt giữa giáo viên và học sinh trong lớp học rất quan trọng.

2.3. Mỉm cười

Một nụ cười mang lại phản hồi tích cực và tác động đến lĩnh vực tình cảm bằng cách truyền đạt niềm vui, sự tin tưởng, sự thân thiện, sự quan tâm, sự phấn khích hoặc sự ngạc nhiên. Nụ cười được sử dụng thường xuyên nhất trong giảng dạy vì nó không chỉ có tác dụng xây dựng sự tương tác giữa thầy và trò, tạo không khí lớp học hài hòa, mà còn truyền tải được cảm xúc không thể diễn tả bằng lời để học sinh cảm nhận được sự yêu thương của thầy cô.

Trong dạy học tiếng Anh, việc sử dụng nụ cười là quan trọng đối với hầu hết các em học sinh, đặc biệt khi bài học khó và nhàm chán hoặc khi vốn tiếng Anh của học sinh còn hạn chế để hiểu bài. Những lúc này, nụ cười tự nhiên của giáo viên có thể giảm bớt áp lực học cho học sinh, đồng thời giúp học sinh hình thành tâm thế lạc quan, hy vọng.

2.4. Cử chỉ

Cử chỉ cũng đóng một vai trò thiết yếu trong việc giảng dạy tiếng Anh. Việc giảng dạy tiếng Anh trên lớp phần lớn tập trung vào các hoạt động giao tiếp. Nếu hoạt động giao tiếp khô khan, tẻ nhạt sẽ khiến học sinh sinh ra cảm giác chán, nhưng những cử chỉ sống động có thể làm sinh động tình huống dạy học, khiến các hoạt động diễn ra suôn sẻ. Trên thực tế, học sinh nhỏ tuổi thích bất chước và hành động, tính năng này làm cho cử chỉ trở nên hữu ích. Ví dụ, khi đang dạy một từ hoặc câu mới, giáo viên có thể sử dụng cử chỉ, như “mở sách ra; mở cửa ra”. Có thể lúc đầu học sinh chưa hiểu những gì giáo viên yêu cầu, nhưng có thể làm theo cử chỉ của giáo viên và dần dần học sinh sẽ hiểu, học được ngôn ngữ. Khi học sinh làm đúng, giáo viên nên vỗ tay khen ngợi để nuôi dưỡng hứng thú học tập của học sinh. Ngay cả khi các em trả lời sai, thầy cô cũng nên vỗ vai để động viên “lần sau cố gắng nhé!”.

Trường hợp khi vốn từ vựng tiếng Anh của học

sinh còn hạn chế thì việc giáo viên sử dụng Tiếng Anh để giải thích trở nên kém hiệu quả. Thay vào đó, giáo viên có thể sử dụng điệu bộ, cử chỉ để diễn đạt nghĩa của từ một cách ngắn gọn, trực quan và dễ hiểu. Ví dụ, khi giáo viên dạy một động từ, việc làm một cử chỉ đơn giản cho học sinh sẽ chính xác hơn là việc giáo viên giải thích lặp đi lặp lại. Nói một cách dễ hiểu, cử chỉ sinh động có thể tạo ra một môi trường học tập tốt, góp phần tích cực vào việc nâng cao khả năng học tập của học sinh.

2.5. Di chuyển trong lớp học

Anderson & Myers (2010) nhận thấy lớp học là môi trường xã hội tương tác, nơi đó giáo viên cần trải nghiệm giảng dạy thông qua chuyển động cơ thể của họ để thu hút người học vào những gì họ đang học. Thầy cô nên tạo sự kết nối gần gũi tới học trò bằng cách đến gần học trò để lan tỏa năng lượng và yêu thương đến các em, tránh chỉ ngồi hoặc chỉ đứng yên một chỗ trên bục để truyền đạt kiến thức. Không những vậy, khi đi lại nhiều, giáo viên sẽ không bị nhàm chán, uể oải, giúp cho sự truyền đạt kiến thức trở nên thoải mái và năng lượng. Theo Nash (2009), sự vận động của giáo viên trong lớp có thể tạo động lực cho người học và giữ cho họ sự tích cực trong quá trình dạy và học.

Thông thường, có 2 loại giáo viên: giáo viên chủ động và giáo viên thụ động. Giáo viên chủ động là người đứng một cách phù hợp với yêu cầu và đối tượng của bài học. Ví dụ, đứng sẽ rất quan trọng khi giáo viên muốn cả lớp chú ý, để làm rõ một điểm trong bài học hoặc đưa ra hướng dẫn bởi vì bộ não được lập trình để chú ý đến những gì đang hoạt động, nên học sinh sẽ bị thu hút bởi sự di chuyển của giáo viên. Giáo viên thụ động là giáo viên ngồi yên trong suốt buổi học và họ có thể tạo ra các vấn đề về học tập. Nói cách khác, giáo viên có thể tạo cho người học bầu không khí mất hứng thú khi họ ngồi trong cả buổi học. Nếu ngồi, tốt hơn là giáo viên nên ngồi ở một nơi mà tất cả người học đều có thể tiếp cận dễ dàng khi

họ đang giải thích để có thể sẵn sàng tiếp nhận hoặc trả lời câu hỏi của học sinh. Thỉnh thoảng, giáo viên cũng cần phải đứng và di chuyển, để làm mới năng lượng và động lực học tập trong lớp.

2.6. Tư thế

Tư thế là cách con người ngồi, đi, đứng và di chuyển. Vị trí của toàn bộ cơ thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thể hiện ngôn ngữ cơ thể. Một tư thế tao nhã có thể mang lại trải nghiệm thị giác tốt cho học sinh, khiến học sinh có tâm trạng vui vẻ và giúp học sinh khởi dậy hứng thú. Thay vào đó, nếu một giáo viên xuất hiện trước học sinh một cách xuề xòa, khiếm nhã sẽ khiến học sinh chán thầy và mất tập trung.

3. Lợi ích của việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong việc giảng dạy tiếng Anh dành cho học sinh nhỏ tuổi

Theo Grazia (2015), ngôn ngữ cơ thể có thể đóng một vai trò quan trọng trong lớp học ngoại ngữ, bao gồm thúc đẩy sự phân biệt từ vựng, nâng cao khả năng hiểu bài và tạo ra một bầu không khí khiến cho người học tích cực, tò mò và có động cơ với bài học. Trong quá trình dạy và học, cần thường xuyên có sự tương tác giữa người dạy và người học. Do vậy, cử chỉ, nét mặt, cử động cơ thể của giáo viên là công cụ thu hút, thúc đẩy học sinh nhỏ tuổi tiếp thu bài học một cách hiệu quả và nhanh chóng. Dưới đây là một số lợi ích cụ thể của ngôn ngữ cơ thể trong lớp học tiếng Anh.

3.1. Khởi dậy hứng thú học tập của học sinh

Giống như nhiều lĩnh vực khác, hứng thú học tập cao là động lực chủ yếu nhằm kích thích, khơi dậy hứng thú học tập tiếng Anh của học sinh. Ngôn ngữ cơ thể là một phương pháp giúp cho việc giảng dạy trở nên hấp dẫn và thú vị. Chuyển động của tay, mắt, cũng như nét mặt, cho phép người hướng dẫn thu hút sự chú ý của học sinh. Vì vậy, trước khi bắt đầu tiết học, giáo viên nên chuẩn bị cho học sinh sự hứng thú mạnh mẽ thông qua ngôn ngữ cơ thể. Bên cạnh đó, việc duy trì hứng thú trong một khoảng thời gian học dài đối với các em nhỏ tuổi là không dễ dàng. Khi các em

không hiểu những gì giáo viên đang nói, các em sẽ trở nên hoàn toàn mất kết nối với bài học và từ chối lắng nghe thầy cô. Sau đó, bầu không khí trong lớp học trầm xuống. Nếu giáo viên sử dụng ngôn ngữ cơ thể của họ trong những tình huống này, họ sẽ ngăn môi trường lớp học trở nên căng thẳng và nhàm chán.

3.2. Nâng cao hiệu quả học tập

Ngôn ngữ cơ thể là một trong những ngôn ngữ biểu cảm nhất trong giảng dạy ngôn ngữ nói chung và giảng dạy tiếng Anh nói riêng. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp, giáo viên không chỉ tránh sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích tiếng Anh, mà còn có thể thúc đẩy sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, đồng thời nâng cao hiệu quả học tập. Ví dụ, khi dạy câu “What is this/What are these?” giáo viên có thể sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các đồ vật trong lớp để giải thích và luyện tập. Với phương pháp này, luyện tập đi luyện lại sẽ thu hút được toàn bộ sự chú ý của học sinh, đa số học sinh có thể hiểu cách sử dụng câu và phân biệt dạng số ít với dạng số nhiều. Rõ ràng, khi có sự tập trung chú ý của học sinh, ý thức thực hành trong các hoạt động trên lớp được nâng cao, hứng thú, tình cảm, ý chí của học sinh được kích thích thì hiệu quả dạy học mới được nâng cao.

3.3. Hỗ trợ nhiều cho cả giáo viên và học sinh khi khi vốn từ vựng tiếng Anh của học sinh còn hạn chế

Học sinh nhỏ tuổi có vốn từ vựng còn hạn chế. Các em thường chỉ có thể hiểu nghĩa của những từ thông dụng và được sử dụng lặp đi lặp lại. Tùy vào vốn từ tiếng Anh của học sinh và tình huống thực tế, việc giáo viên sử dụng ngôn ngữ cơ thể đúng cách không chỉ có thể tránh sử dụng nhiều từ ngữ khác để giải thích nhưng không hiệu quả mà còn có thể thúc đẩy hoạt động giao tiếp giữa giáo viên và học sinh thuận lợi. Do đó, khi học sinh nhỏ tuổi gặp từ mới, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sẽ hỗ trợ các em hiểu nghĩa của từ. Điều này mang lại nhiều lợi ích cho cả học sinh và giáo viên (Gregersen, 2005).

3.4. Cải thiện hiệu ứng của ngôn ngữ âm thanh

Trong giảng dạy tiếng Anh, giáo viên truyền tải thông tin chủ yếu dựa vào ngôn ngữ nói, tuy nhiên đôi khi sử dụng ngôn ngữ cơ thể cũng là điều không thể thiếu khi giao tiếp. Một mặt, ngôn ngữ cơ thể có thể truyền tải thông tin một cách trực tiếp. Chẳng hạn, một ánh mắt khích lệ, một nụ cười đầy ẩn ý hay một vẻ mặt khinh thường sẽ tác động đến học sinh và họ luôn tin vào những gì họ nhìn thấy. Mặt khác, đó là cách diễn giải ngôn ngữ nói một cách tinh tế nhất và học sinh có thể tìm thấy thông qua thái độ, cách diễn đạt cảm xúc của giáo viên. Sự thay đổi cách diễn đạt ngôn ngữ cơ thể của giáo viên có ảnh hưởng nhiều đến tâm trạng học tập của học sinh nhỏ. Vì vậy, giáo viên nên sử dụng ngôn ngữ cơ thể phối hợp với ngôn ngữ nói một cách hợp lý khi giảng dạy.

3.5. Khơi gợi trí tưởng tượng của học sinh

Ngôn ngữ cơ thể đầy sinh động và gây hứng thú của giáo viên có thể tạo ra sự tưởng tượng cho học sinh. Trong lớp, giáo viên thực hiện một số hành động và để học sinh đoán. Sau đó yêu cầu học sinh sử dụng trí tưởng tượng của mình để tạo ra một cuộc đối thoại về những gì giáo viên đã làm. Phương pháp này không chỉ giúp học sinh nắm bắt kiến thức mà còn nâng cao trí tưởng tượng của các em. Sau khi học sinh trả lời câu hỏi, giáo viên dùng ánh mắt, nét mặt để học sinh nhắc lại. Như vậy, giáo viên nên sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách hợp lý, đồng thời sử dụng các biện pháp khuyến khích, tích cực để khơi dậy sự tưởng tượng của học sinh.

4. Một số lưu ý để sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giảng dạy tiếng Anh một cách hiệu quả

- Ngôn ngữ cơ thể cần phải sinh động, khơi dậy tính tò mò của học sinh, nhằm tạo không khí lớp học vui vẻ, hài hòa để học sinh nắm bắt kiến thức hiệu quả và ghi nhớ tốt.
- Sử dụng ngôn ngữ cơ thể đúng cách và thể hiện khía cạnh tích cực. Giáo viên nên sử dụng thái độ tích cực thông qua việc tạo ra bầu không

khí phù hợp và thoải mái vì thái độ tích cực tạo ra sự hứng thú, kích thích và thú vị cho người học. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể tích cực, chẳng hạn như nụ cười trong lớp học, có thể có vai trò giúp xây dựng mối quan hệ tốt giữa giáo viên và học sinh hơn.

- Không sử dụng ngôn ngữ cơ thể quá mức. Một tiết học 45 phút trong lớp rất quý giá và ngôn ngữ cơ thể là một loại phương tiện dạy học bổ trợ. Nếu giáo viên sử dụng ngôn ngữ cơ thể quá nhiều sẽ chiếm phần lớn thời gian và không thể hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch. Tệ hơn nữa, quá nhiều ngôn ngữ cơ thể sẽ làm phân tán sự chú ý của học sinh khỏi lớp học. Trong cả buổi học, học sinh sẽ chỉ tập trung vào ngôn ngữ cơ thể của giáo viên mà không chú ý nhiều đến kiến thức. Vì vậy, giáo viên phải xác định khi nào cần sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giảng dạy và dùng trong khoảng bao lâu là phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Học sinh nhỏ tuổi thường bắt chước hành vi của giáo viên. Nếu giáo viên có hành động vi thiếu chuẩn mực, phi giáo dục sẽ ảnh hưởng xấu đến các em. Do vậy, giáo viên phải sử dụng ngôn ngữ cơ thể tích cực để có thể phản ánh khí chất và cách ứng xử của giáo viên, qua đó tạo ra hiệu ứng tích cực trong giáo dục.

- Ngôn ngữ cơ thể của giáo viên phản ánh cảm xúc của họ. Khi giáo viên vui hay buồn, cảm thấy hứng thú hay chán nản, sợ hãi, tức giận hay căng thẳng thì ngôn ngữ cơ thể của họ là một chỉ báo đáng tin cậy hơn về cảm xúc cũng như khả năng hoặc năng lực của họ. Chính vì vậy, giáo viên cần chuẩn bị trước nội dung sẽ trình bày vì người học có 2 tai để nghe nội dung, đồng thời cũng có 2 mắt để nhìn nội dung sẽ được trình bày như thế nào. Giáo viên cần biết cách sử dụng các thông điệp ngôn ngữ cơ thể khác nhau để giải quyết các tình huống khác nhau xuất hiện trong lớp học.

5. Kết luận

Tóm lại, sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong dạy và học tiếng Anh là phương pháp hiệu quả. Giáo viên cần phải nhận thức được những đặc điểm tích cực của ngôn ngữ cơ thể của họ để tạo ra bối cảnh tốt nhất giúp rút ngắn sự xa cách giữa giáo viên và học sinh, phản ánh trực tiếp đến sự hứng thú của người học, tạo ra môi trường học tập hiệu quả, nâng cao chất lượng dạy và học. Nói chung, ngôn ngữ cơ thể cần được phát huy theo nội dung bài học, tình huống lớp học và đối tượng người học để đạt được hiệu quả dạy và học tiếng Anh ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Anderson, S., & Myers, A. (2010). How Teacher Positioning in the Classroom Affects the On-Task Behavior of Students. *e-Journal of Student Research*, 2(1), 1-9.
2. Grazia, M. (2015). Teaching learners to communicate effectively in the 12 Integrating body language in the students syllabus. [Online] Available at <http://siba-ese.unisalento.it/index.php/linguellinguaggi/article/viewFile/15006/13467>
3. Gregersen, (2005). Nonverbal Cues: Clues to the Detection of Foreign Language Anxiety. *Foreign Language Annals*, 38(3), 388-400.
4. Miller, P. W. (2005). Body language in the classroom. *ProQuest Social Science Collection*, 80(8), 28-30.
5. Nash, R. (2009). *The Active Teacher Practical Strategies for Maximizing Teacher Effectiveness (1st ed.)*. Ron Nash and Associates, LLC, New Jersey, United States of America.
6. Raah, H. (2015). *Body language, Axiom Core*, United of Kingdom 2001 (1st ed., p.23).

Ngày nhận bài: 19/4/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/5/2023

Thông tin tác giả:

NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh

USING EFFECTLY BODY LANGUAGE IN TEACHING AND LEARNING ENGLISH

● **NGUYEN THI NGOC LINH**

National Academy of Public Administration - Ho Chi Minh City Campus

ABSTRACT:

Teaching methods play a very important role in teaching and learning English. Using body language in teaching is evaluated by language researchers as a very positive method for improving the quality of English teaching and learning. This paper presents some body language methods that are commonly used in teaching and learning English. The paper also points out the benefits of using body language in teaching English to young students and outlines some notes on using body language in teaching English.

Keywords: body language, foreign language, teaching and learning English.

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SỰ HIỂU BIẾT VỀ CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC ĐẠT CHUẨN GPP CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH NĂM 2023

● PHẠM NGUYỄN TƯỜNG VÂN - NGUYỄN HOÀNG PHÚC AN - NGUYỄN BẠCH VÂN

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu đánh giá thực trạng sự hiểu biết về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (CSBLT) của nhân viên y tế (NVYT) làm việc tại các CSBLT trên địa bàn TP. Trà Vinh năm 2023, đồng thời đưa ra những giải pháp phù hợp góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng của NVYT tại các CSBLT còn thiếu sót, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và đạt theo chuẩn GPP (Good Pharmacy Practices - các nguyên tắc cơ bản về chuyên môn và đạo đức trong thực hành nghề nghiệp tại nhà thuốc). Kết quả nghiên cứu ghi nhận trong 119/129 cơ sở bán thuốc trên địa bàn TP. Trà Vinh tham gia trả lời có 24,4% là được sĩ phụ trách chuyên môn; các kiến thức về nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên tắc chấm điểm và xử phạt vi phạm hành chính đều có tỉ lệ NVYT trả lời đúng rất cao (trên 80%). Từ đó, có được đánh giá khách quan thực trạng hiểu biết về thực hành tốt CSBLT của NVYT làm việc tại các CSBLT trên địa bàn TP. Trà Vinh năm 2023.

Từ khóa: cơ sở bán lẻ thuốc, nhân viên y tế, tiêu chuẩn GPP, thành phố Trà Vinh.

1. Đặt vấn đề

Phần lớn người dân Việt Nam có thói quen tự điều trị khi gặp những vấn đề sức khỏe không nghiêm trọng và tìm mua thuốc ở các CSBLT. Do đó, các CSBLT hiện nay đóng một vai trò rất quan trọng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân [4]. Các CSBLT không chỉ đóng vai trò cung cấp các thuốc theo đơn của bác sĩ và các thuốc không kê đơn một cách phù hợp, mà còn cung cấp dịch vụ được có chất lượng, cũng như hỗ trợ người dân trong cộng đồng hướng tới sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả và kinh tế trong việc phòng và chữa bệnh. Theo Thông tư số 02/2018/TT-BYT

[1], các CSBLT đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, quy định liên quan đến xử phạt hành chính, nguyên tắc chấm điểm và phân loại đánh giá đạt chuẩn thực hành tốt CSBLT. Do đó, việc NVYT có sự hiểu biết về CSBLT đạt chuẩn GPP rất quan trọng.

Vì vậy, bài viết “Đánh giá thực trạng sự hiểu biết về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc của NVYT làm việc tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn TP. Trà Vinh năm 2023” nhằm tăng cường sự hiểu biết về thực hành tốt CSBLT của NVYT làm việc tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn TP. Trà Vinh năm 2023, đồng thời đưa ra những giải pháp phù

hợp, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng của NVYT tại các CSBLT còn thiếu sót để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Dược sĩ làm việc tại các CSBLT đạt chuẩn thực hành tốt trên địa bàn TP. Trà Vinh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả.

Chọn mẫu:

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: dược sĩ đang làm việc tại các CSBLT đạt chuẩn thực hành tốt đang hoạt động trên địa bàn TP. Trà Vinh năm 2023. Tiêu chuẩn loại trừ: các cơ sở chuyên bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; nhà thuốc bệnh viện và các CSBLT từ chối trả lời trên phiếu khảo sát.

- *Cỡ mẫu*: $n = 119$. Tính theo số cơ sở đạt chuẩn thực hành CSBLT trên địa bàn TP. Trà Vinh đến tháng 3/2023 là 129 cơ sở, trong đó có loại trừ 5 nhà thuốc bệnh viện, loại trừ 5 cơ sở chuyên bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.

Công cụ thu thập số liệu: sử dụng phiếu khảo sát. Dựa theo nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt CSBLT” theo quy định của Bộ Y tế [1-3] nghiên cứu đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ như sau: 1 = Hoàn toàn không đồng ý; ...; 5 = Hoàn toàn đồng ý.

Các chỉ số nghiên cứu: đề tài đã lập 5 nhóm nhân tố gồm 42 biến quan sát; Sau khi sử dụng công cụ Cronbach’s Alpha để đảm bảo độ tin cậy của thang đo, nghiên cứu đã loại bỏ 6 biến không thỏa điều kiện, còn 36 biến quan sát đảm bảo độ tin cậy.

Phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu: phần mềm Microsoft Excel 2020 và Statistical Package for Social Sciences (SPSS) phiên bản 26.0.

Địa điểm nghiên cứu: thành phố Trà Vinh.

Thời gian thực hiện: từ tháng 10/2022 đến tháng 04/2023.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số đặc tính chung của đối tượng nghiên cứu

Kết quả khảo sát thống kê trong 119 mẫu được sử dụng nghiên cứu như sau:

Về độ tuổi, từ 20-30 tuổi có 65 người (chiếm

54,6%), từ 30-40 tuổi có 44 người (chiếm 37%), từ 40-50 tuổi có 7 người (chiếm 5,9%) và trên 50 tuổi có 3 người (chiếm 2,5%).

Về giới tính, nam giới có 24 người (chiếm 20,2%), nữ giới có 95 người (chiếm 79,8%).

Về trình độ chuyên môn hiện tại, dược sĩ trung cấp có 2 người (chiếm 1,7%), dược sĩ cao đẳng có 44 người (chiếm 37%), dược sĩ đại học có 72 người (chiếm 60,5%), dược sĩ sau đại học có 1 người (chiếm 0,8%).

Về chức vụ, nhân viên bán hàng có 90 người (chiếm 75,6%) và phụ trách chuyên môn cơ sở có 29 người (chiếm 24,4%).

Về doanh thu của cơ sở, từ 1-5 triệu đồng có 18 người (chiếm 15,1%), từ 5-10 triệu đồng có 48 người (chiếm 40,3%), từ 10-20 triệu đồng có 24 người (chiếm 20,2%) và trên 20 triệu đồng có 29 người (chiếm 24,4%).

Về địa điểm kinh doanh nhà thuốc, gần bệnh viện có 8 cơ sở (chiếm 6,72%), gần trường học có 28 cơ sở (chiếm 23,35%), gần chợ có 33 cơ sở (chiếm 27,73%), và địa điểm khác có 50 cơ sở (chiếm 42,02%).

Như vậy, trong 119 CSBLT được khảo sát có 65 đối tượng trong độ tuổi từ 20 - 30 tuổi (54,6%) chiếm tỷ lệ cao nhất. Đối tượng khảo sát là nữ (79,8%) chiếm tỷ lệ cao gấp 4 lần so với nam (20,2%). Một số lượng ít đối tượng được khảo sát có trình độ là dược sĩ sau đại học (0,8%), còn phần lớn có trình độ đại học (60,5%). Đa số đối tượng khảo sát là nhân viên bán hàng (75,6%), điều này có thể lý giải rằng dược sĩ phụ trách chuyên môn dường như không có mặt trong suốt thời gian cơ sở hoạt động. Đa phần CSBLT có doanh thu mỗi tháng dao động từ 5-10 triệu đồng (40,3%), không quá cao.

3.2. Đánh giá thực trạng sự hiểu biết về cơ sở bán lẻ thuốc đạt chuẩn GPP theo quy định do Bộ Y tế Việt Nam ban hành của nhân viên y tế làm việc tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn TP. Trà Vinh năm 2023 (Bảng 1)

Nhận xét:

- Kiến thức về nhân sự: trên 90% NVYT tại các CSBLT trả lời đúng những kiến thức liên quan đến nhân sự được quy định trong Thông tư số 02/2018/TT-BYT [1]. Trong đó, “tham gia kiểm

Bảng 1. Kết quả khảo sát sự hiểu biết về CSBLT đạt chuẩn GPP của NVYT

Nội dung	Số đối tượng	Tỉ lệ (%)
1. Kiến thức về nhân sự		
Phải có mặt trong toàn bộ thời gian hoạt động của cơ sở. Trường hợp người quản lý chuyên môn vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho người có Chứng chỉ hành nghề được phù hợp để chịu trách nhiệm chuyên môn theo quy định.	114	95,8%
Người phụ trách chuyên môn của nhà thuốc có bằng tốt nghiệp đại học ngành Dược, phải có Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định hiện hành.	115	96,6%
Có tham gia kiểm soát chất lượng thuốc khi nhập về và trong quá trình bảo quản tại nhà thuốc.	116	97,5%
Đào tạo, hướng dẫn các nhân viên tại CSBLT về chuyên môn cũng như đạo đức hành nghề dược.	113	95%
CSBLT là nhà thuốc, nhân viên trực tiếp tham gia bán thuốc, giao nhận, bảo quản thuốc, quản lý chất lượng thuốc, pha chế thuốc phải có bằng cấp chuyên môn từ trung cấp dược trở lên và có thời gian thực hành nghề nghiệp phù hợp với công việc được giao.	112	94,1%
Trang phục áo blu trắng, sạch sẽ, gọn gàng, có đeo biển ghi rõ tên, chức danh.	110	92,4%
Được đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn và pháp luật y tế.	112	94,1%
Có thái độ hòa nhã, lịch sự khi tiếp xúc với khách hàng và giữ bí mật thông tin về người bệnh.	115	96,6%
2. Kiến thức về cơ sở vật chất và trang thiết bị		
Khu vực hoạt động của nhà thuốc phải tách biệt với các hoạt động khác.	110	92,4%
Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh nhưng tối thiểu là 10m ² .	112	94,1%
Phải có khu vực để trưng bày, bảo quản thuốc và khu vực để người mua thuốc tiếp xúc và trao đổi thông tin về việc sử dụng thuốc với người bán lẻ.	115	96,6%
Có vòi nước hoặc biện pháp khác để làm sạch tay cho nhân viên nhà thuốc và người mua.	113	95%
Mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế để khu vực riêng, không ảnh hưởng đến thuốc. Có biển hiệu khu vực "Sản phẩm này không phải là thuốc".	117	98,3%
Nhiệt kế, ẩm kế phải được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định.	116	97,5%
Nhiệt độ quy định không quá 30°C và độ ẩm không quá 75% các CSBLT để dàng kiểm soát để bảo quản chất lượng thuốc.(S)	2	1,7%
Nhà thuốc phải trang bị ít nhất 01 thiết bị theo dõi nhiệt độ tự ghi với tần suất ghi phù hợp (thường 01 hoặc 02 lần trong 01 giờ tùy theo mùa).	114	95,8%
Nhà thuốc phải có thiết bị và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối mạng, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả, nguồn gốc thuốc mua vào, bán ra.	114	95,8%
Khi ra lẻ thuốc mà không còn bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc phải dùng đồ bao gói kín khí; đủ cứng để bảo vệ thuốc, có nút kín.	112	94,1%
Đối với trường hợp thuốc bán lẻ không đựng trong bao bì ngoài của thuốc phải ghi rõ: tên thuốc; dạng bào chế; nồng độ, hàm lượng thuốc; trường hợp không có đơn thuốc đi kèm phải ghi thêm liều dùng, số lần dùng và cách dùng.	115	96,6%
3. Kiến thức về một số vi phạm quy định xử phạt hành chính liên quan tại CSBLT		
Người chịu trách nhiệm chuyên môn của CSBLT vắng mặt trong thời gian hoạt động của cơ sở dược, (trừ trường hợp ủy quyền khi vắng mặt theo quy định của pháp luật) bị phạt tiền từ 3-5 triệu đồng.	107	89,9%

Nội dung	Số đối tượng	Tỉ lệ (%)
Hành vi thuê, mượn chứng chỉ hành nghề dược để hành nghề dược bị phạt tiền từ 10-20 triệu đồng.	110	92,4%
Cho thuê, cho mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề dược để hành nghề dược bị phạt tiền từ 5-10 triệu đồng.	111	93,3%
Không niêm yết giá bán buôn, bán lẻ bằng đồng Việt Nam hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng tại nơi giao dịch hoặc nơi bán thuốc của cơ sở kinh doanh dược sẽ bị phạt tiền từ 1-3 triệu đồng.	113	95%
Không niêm yết công khai chứng chỉ hành nghề dược đối với trường hợp phải có chứng chỉ hành nghề dược hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược tại cơ sở sẽ bị phạt tiền từ 5-10 triệu đồng.	111	93,3%
Người trực tiếp tham gia bán lẻ thuốc không có bằng cấp chuyên môn theo quy định của pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 1-3 triệu đồng.	111	93,3%
4. Kiến thức về nguyên tắc chấm điểm và phân loại đáp ứng GPP		
Điểm chấm cho từng tiêu chí phải là điểm tối đa, không cho điểm trung gian.	111	93,3%
Điểm cộng được áp dụng nếu CSBLT thực hiện cao hơn quy định tối thiểu. Điểm trừ nếu CSBLT có thực hiện tiêu chí nhưng còn có nhiều tồn tại.	114	95,8%
Đối với CSBLT đang hoạt động, việc đánh giá, chấm điểm được tính trên hoạt động thực tế tại CSBLT.	112	94,1%
CSBLT đáp ứng GPP: không mắc lỗi nào thuộc điểm không chấp nhận và đạt 90% trên tổng điểm trở lên.	109	91,6%
CSBLT phải báo cáo khắc phục: CSBLT không mắc lỗi nào thuộc điểm không chấp nhận và đạt từ 80% đến dưới 90% trên tổng điểm.	111	93,3%
CSBLT không đáp ứng: CSBLT mắc từ 01 lỗi thuộc điểm không chấp nhận trở lên hoặc chỉ đạt dưới 80% trên tổng điểm.	117	98,3%
5. Kiến thức về quy định của Đoàn đánh giá		
Trưởng Đoàn đánh giá phải có trình độ đại học dược trở lên, có kinh nghiệm trong công tác quản lý dược từ 2 năm trở lên.	114	95,8%
Cán bộ tham gia đoàn đánh giá phải có trình độ đại học hoặc cử nhân hoặc trung cấp về dược hoặc y trở lên.	115	96,6%
Thành viên của đoàn đánh giá không có vợ hoặc chồng, con, bố hoặc mẹ, anh chị em ruột, bố hoặc mẹ vợ, bố hoặc mẹ chồng đang làm việc cho CSBLT được đánh giá.	109	91,6%
Toàn bộ cán bộ tham gia đoàn đánh giá không tham gia hoạt động tư vấn trong thời gian 5 năm gần đây cho CSBLT được đánh giá.	109	91,6%
Bảo mật toàn bộ thông tin liên quan về đợt đánh giá và toàn bộ thông tin liên quan đến hoạt động bán lẻ thuốc của CSBLT; trừ trường hợp có sự đồng ý của CSBLT hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra.	114	95,8%
(S): Đáp án sai		

soát chất lượng thuốc khi nhập về và trong quá trình bảo quản tại nhà thuốc” có số lượng NVYT trả lời đúng rất cao (97,5%).

- Kiến thức về cơ sở vật chất và trang thiết bị: phần lớn NVYT trả lời đúng ở lĩnh vực này rất cao.

Tuy nhiên, vẫn còn kiến thức liên quan đến việc bảo quản thuốc “nhiệt độ quy định không quá 30oC và độ ẩm không quá 75% các CSBLT dễ dàng kiểm soát để bảo quản chất lượng thuốc” có số lượng nhân viên trả lời đúng khá thấp (1,7%),

con số này phản ánh sự hiểu biết của NVYT còn hạn chế, vì tại Việt Nam với khí hậu nóng ẩm, đặc biệt Trà Vinh là một tỉnh ở miền Nam Việt Nam, có khí hậu nhiệt đới gió mùa với nền nhiệt độ cao, dẫn đến việc duy trì nhiệt độ dưới 30°C và độ ẩm không quá 75% để bảo quản thuốc sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

- Kiến thức về một số vi phạm quy định xử phạt hành chính liên quan tại CSBLT: những kiến thức cơ bản liên quan đến xử phạt hành chính tại CSBLT hầu như đều được NVYT trả lời đúng rất cao (trên 89%). Theo Nghị định số 117/2020/NĐ-CP [3] đối với kiến thức liên quan đến việc phụ trách chuyên môn cần có mặt trong toàn bộ thời gian hoạt động của cơ sở, đa phần NVYT trả lời đúng rất cao (89,9%). Đây cũng là một trong những mục tiêu được cộng đồng hướng đến, để người bệnh có thể nhận được sự tư vấn kịp thời đầy đủ những thông tin liên quan đến thuốc nên sự có mặt của dược sĩ phụ trách chuyên môn phải là bắt buộc. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện khảo sát, số lượng dược sĩ chuyên môn có mặt tại các CSBLT tham gia trả lời khảo sát tương đối thấp (24,4%).

- Kiến thức về nguyên tắc chấm điểm; phân loại đáp ứng GPP và quy định về đoàn đánh giá: tỷ lệ NVYT trả lời đúng đối với những kiến thức về việc để cơ sở đạt thực hành tốt rất cao (trên 90%), cao hơn những kiến thức chung liên quan đến duy trì hoạt động của CSBLT. Đây phần lớn là những kiến thức liên quan đến việc thẩm định CSBLT đạt chuẩn thực hành tốt mà cơ sở cần đạt được.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Phần lớn nhân viên làm việc tại các CSBLT hiểu biết rất tốt những kiến thức liên quan đến thực

hành tốt CSBLT, trong đó có những nhóm nhân tố như cách chấm điểm; cách phân loại đáp ứng GPP và quy định về đoàn đánh giá có trên 90% NVYT trả lời đúng. Những nhóm nhân tố này đều có hệ số Cronbach's Alpha tổng > 0,8. Đối với nhóm nhân tố về nhân sự có đến 97,5% NVYT biết rằng phụ trách chuyên môn phải “tham gia kiểm soát chất lượng thuốc khi nhập về và trong quá trình bảo quản tại nhà thuốc” (hệ số Cronbach's Alpha = 0,944). Đối với nhóm nhân tố kiến thức về cơ sở vật chất, bên cạnh việc trả lời đúng những kiến thức cơ bản như diện tích quy định của cơ sở, kinh doanh những mặt hàng không phải là thuốc thì vẫn còn kiến thức NVYT chưa hiểu rõ, trong đó chỉ có 1,7% NVYT trả lời đúng đối với quy định về bảo quản thuốc, trong khi đây là một trong những điểm bắt buộc phải đạt khi thực hiện tốt CSBLT (hệ số Cronbach's Alpha = 0,948). Liên quan đến những vi phạm hành chính trong lĩnh vực dược, tỉ lệ NVYT trả lời đúng rất cao (trên 89% - hệ số Cronbach's Alpha tổng > 0,905). Nhìn chung, kết quả khảo sát thấy rằng phần lớn NVYT đang làm việc tại các CSBLT trên địa bàn tỉnh TP. Trà Vinh có sự hiểu biết cao về thực hành tốt CSBLT.

4.2. Kiến nghị

Qua khảo sát cho thấy sự hiểu biết của NVYT làm việc tại các CSBLT trên địa bàn TP. Trà Vinh rất cao, NVYT nắm vững những kiến thức chuyên môn liên quan đến thực hành tốt CSBLT. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một vài kiến thức liên quan đến bảo quản thuốc có tỷ lệ nhân viên trả lời đúng rất thấp. Điều này đòi hỏi NVYT của các CSBLT cần chủ động cập nhật kiến thức chuyên môn để đáp ứng cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Y tế (2018). *Thông tư số 02/2018/TT-BYT quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc*, ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2018.
2. Bộ Y tế (2020). *Thông tư số 12/2020/TT-BYT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2018/TT-BYT quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc*; ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2020.
3. Chính phủ (2020). *Nghị định số 117/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế*; ban hành ngày 28 tháng 9 năm 2020.
4. Nguyễn Thanh Bình (2020). *Dược cộng đồng*. Hà Nội: NXB Y học.

Ngày nhận bài: 7/5/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/6/2023

Thông tin tác giả:

1. PHẠM NGUYỄN TƯỜNG VÂN

2. NGUYỄN HOÀNG PHÚC AN

3. NGUYỄN BẠCH VÂN

Khoa Y - Dược, Trường Đại học Trà Vinh

**ASSESSING THE CURRENT UNDERSTANDING
OF GOOD PHARMACY PRACTICES AMONG HEALTHCARE
WORKERS WORKING FOR DRUG STORES
IN TRA VINH CITY IN 2023**

● PHAM NGUYEN TUONG VAN¹

● NGUYEN HOANG PHUC AN¹

● NGUYEN BACH VAN¹

¹Faculty of Medicine - Pharmacy, Tra Vinh University

ABSTRACT:

This study assesses the current understanding of good practice among healthcare workers working for drug stores in Tra Vinh City in 2023. This study also proposes some solutions to improve the knowledge and skills of healthcare workers working for drug stores in order to meet the increasing demands of society and the requirements of Good Pharmacy Practices (GPP). The study's results show that, in 119 of the 129 drug stores in Tra Vinh City, 24.4% of correspondents are pharmacists in charge of expertise. Questions about personnel, facilities, equipment, scoring principles, and administrative penalties all have a very high correct answer rate from correspondents (over 80%). This study is expected to provide objective knowledge of the good practice of drug retailing by healthcare workers in Tra Vinh City.

Keywords: medicine retail, healthcare workers, Good Pharmacy Practices, Tra Vinh city.